

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển
các khu, cụm công nghiệp tỉnh Thái Bình đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 10/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 17/05/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển bền vững kinh tế, xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 – 2020) tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh đề án quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020;

Căn cứ Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 239-TB/TU ngày 01/12/2016 về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp tỉnh Thái Bình đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1048/SCT-CN-TTCN ngày 30/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN.

- Quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình

đến năm 2020 phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020, Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Nghị quyết số 25/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình thông qua việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Thái Bình và các quy hoạch ngành có liên quan.

- Xây dựng và phát triển các khu, cụm công nghiệp phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp chung của tỉnh, đảm bảo yêu cầu trước mắt và lâu dài; ưu tiên phát triển những ngành mà Thái Bình có lợi thế so sánh về các nguồn lực của địa phương; gắn phát triển các khu, cụm công nghiệp với xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển các khu, cụm công nghiệp bám sát các trục giao thông chính và đặc biệt giảm thiểu đất nội đồng, lựa chọn những vùng đất canh tác kém hiệu quả, gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển công nghiệp hợp lý và gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh trong các giai đoạn phát triển.

- Phát triển các khu cụm công nghiệp nhằm thu hút các nhà đầu tư hạ tầng, bảo đảm sản xuất tập trung, tránh tình trạng phân tán không theo quy hoạch, thuận tiện cho công tác quản lý và xử lý môi trường.

- Tranh thủ tối đa sự giúp đỡ, hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế; tăng cường sự hợp tác với các tỉnh; huy động nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là vốn của doanh nghiệp để xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN.

1. Mục tiêu chung.

- Quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp nhằm hình thành hệ thống khu, cụm công nghiệp thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp với quy mô phù hợp theo từng giai đoạn nhằm định hướng quỹ đất, phát triển cơ sở hạ tầng trọng điểm vào những khu vực có tiềm năng, đáp ứng nhu cầu mở rộng mặt bằng sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư, khoa học công nghệ, giải quyết việc làm và bảo vệ môi trường; gắn sản xuất với thị trường, vùng nguyên liệu.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu, cụm công nghiệp, tăng tỷ lệ đóng góp vào tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; tăng tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp và hiệu quả sử dụng đất công nghiệp; đầu tư kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh cho các khu công nghiệp và một số cụm công nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể.

- Điều chỉnh, quy hoạch chi tiết một số khu, cụm công nghiệp; thu hút đầu tư để đến năm 2020 lấp đầy trên 70% diện tích đất thu hồi của các khu, cụm công nghiệp.

- Giá trị sản xuất các khu, cụm công nghiệp đến năm 2020 đạt 43.241 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 18%/năm, chiếm 60,7% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (71.300 tỷ đồng).

- Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt khoảng 1,5 tỷ USD, chiếm 73,1% kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh (2,05 tỷ USD).

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH.

1. Danh mục và diện tích các khu, cụm công nghiệp.

- Điều chỉnh diện tích quy hoạch theo Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh từ 3.583,4 ha (9 KCN diện tích 1.983,1 ha và 51 CCN diện tích 1.600,3 ha) sang quy hoạch mới là 5.082 ha; gồm: 11 KCN diện tích 2.503,4 ha và 50 CCN diện tích 2.578,6 ha. Tổng diện tích điều chỉnh tăng so với Quyết định số 1291 là 1.498,6 ha (KCN tăng 520,3 ha, CCN tăng 978,3 ha).

- Danh mục quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp tỉnh Thái Bình đến năm 2020 (có danh mục kèm theo).

2. Phân kỳ kế hoạch sử dụng đất.

- Tổng diện tích sử dụng đất năm 2016 là 1.050 ha (KCN 627,6 ha, CCN 422,4 ha).

- Tổng diện tích sử dụng đất đến năm 2020 là 3.369,4 ha (KCN 2.353,4 ha, CCN 1.016 ha), tăng thêm 2.319,3 ha so với năm 2016.

3. Vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp.

Tổng vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đến năm 2020 khoảng 18.080 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Đến năm 2016	Đến năm 2020
1.	Diện tích khu, cụm công nghiệp (ha)	1.050	3.369,4
2.	Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng hạ tầng (tỷ đồng)	5.810	12.270

IV. CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Chính sách.

a. Chính sách thu hút đầu tư:

- Để thu hút nguồn vốn FDI cần vận dụng hợp lý các cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục đầu tư nhằm khuyến khích các nhà đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp của tỉnh gắn với thu hút công nghệ hiện đại, không gây ô nhiễm môi trường.

- Ưu tiên cho đầu tư trực tiếp 100% vốn nước ngoài, nhất là các công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia vào các khu công nghiệp; tranh thủ tiếp cận công nghệ hiện đại, kỹ năng quản lý, điều hành tiên tiến để đẩy nhanh hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

- Tranh thủ mọi hình thức đầu tư nước ngoài trong khuôn khổ của Luật Đầu tư; đồng thời có chính sách ưu đãi thích hợp thu hút nguồn vốn đầu tư của người Việt Nam định cư ở nước ngoài để nhanh chóng lấp đầy các khu, cụm công nghiệp sau khi được thành lập.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b. Chính sách hỗ trợ về tài chính:

- Ngân sách cấp tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông và hệ thống thoát nước đã qua xử lý ngoài hàng rào khu công nghiệp.

- Tạo điều kiện hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh để đền bù giải phóng mặt bằng, lập quy hoạch chi tiết theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ chi phí di dời vào khu, cụm công nghiệp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường đang ở xen kẽ với khu vực dân cư.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng, mua sắm thiết bị công nghệ xử lý nước thải, chất thải của các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong khu, cụm công nghiệp.

- Căn cứ vào khả năng ngân sách tỉnh, định mức và bố trí vốn đầu tư để thực hiện các hạng mục hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong và ngoài hàng rào khu, cụm công nghiệp.

- Ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương, hàng năm căn cứ khả năng cân đối vốn đầu tư của ngân sách, nhu cầu và tình hình triển khai dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Nhà nước hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong hàng rào khu, cụm công nghiệp.

c. Chính sách phát triển nguồn nhân lực:

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động để làm việc trong các doanh nghiệp thuộc khu, cụm công nghiệp.

- Xây dựng cơ chế, chính sách về thu hút lao động vào các khu, cụm công nghiệp tập trung; cơ chế, chính sách hỗ trợ giải quyết chỗ ở cho lao động tại các khu, cụm công nghiệp; cơ chế hỗ trợ công tác đào tạo tại chỗ nguồn lực lao động cho các khu, cụm công nghiệp.

d. Chính sách hỗ trợ hoạt động phát triển khu, cụm công nghiệp:

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và đầu tư sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong khu, cụm công nghiệp.

- Tổ chức thực hiện các dịch vụ công hỗ trợ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong khu, cụm công nghiệp.

- Tổ chức hoạt động khảo sát, tham quan, học tập kinh nghiệm phát triển khu, cụm công nghiệp ở trong và ngoài nước.

- Có chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng một cách đồng bộ từ giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý môi trường và dứt điểm cho từng khu, cụm công nghiệp.

2. Giải pháp thực hiện.

a. Lãnh đạo, chỉ đạo:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền về phát triển công nghiệp tập trung.

- Làm tốt công tác tuyên truyền để mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển công nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH nhằm tạo sự đồng thuận về tư tưởng, nhận thức và hành động. Công tác tuyên truyền cần tập trung vào việc nâng cao nhận thức cho người dân, đặc biệt là người dân có ruộng đất bị thu hồi phục vụ quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp.

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp làm tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng đất và hoạt động các dự án trong khu, cụm công nghiệp.

b. Công tác quy hoạch:

- Định kỳ xem xét rà soát điều chỉnh bổ sung Quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và chỉ đạo của Chính phủ; làm cơ sở để quản lý, chỉ đạo xây dựng quy hoạch chi tiết, từng bước đưa sản xuất công nghiệp của tỉnh theo hướng tập trung, hạn chế tình trạng sản xuất công nghiệp phân tán không theo quy hoạch và gia tăng ô nhiễm môi trường.

- Triển khai quy hoạch chi tiết khu công nghiệp ven biển và cụm công nghiệp các huyện để tạo quỹ đất và kêu gọi thu hút đầu tư. Có kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải cho các khu, cụm công nghiệp. Thu hút đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân ở một số khu, cụm công nghiệp.

- Thực hiện tốt công tác xây dựng và quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch chi tiết để đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm đúng mục đích, có hiệu quả, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH và xây dựng nông thôn mới.

c. Đầu tư kết cấu hạ tầng:

- Tập trung nỗ lực trong công tác giải phóng mặt bằng, không để tình trạng chậm có mặt bằng giao cho các nhà đầu tư.

- Tiếp tục đầu tư hạ tầng đồng bộ các khu, cụm công nghiệp; trường hợp không có khả năng đầu tư đồng bộ phải ưu tiên xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải tập trung.

- Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật của các khu công nghiệp Gia Lễ, Cầu Nghìn, Tiền Hải, Sông Trà theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đảm bảo đủ những công trình phục vụ tiện ích (cấp điện, cấp nước, buru chính viễn thông...). Với khu, cụm công nghiệp mới cần thực hiện ngay thu hút nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng để triển khai đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Hoàn thiện đấu nối giữa các khu, cụm công nghiệp với đường giao thông để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và bảo đảm an toàn giao thông.

- Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ hạ tầng khu, cụm công nghiệp từ ngân sách Trung ương. Tăng nguồn vốn ngân sách tỉnh để hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp, đồng thời có chính sách khuyến khích kêu gọi các nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng.

d. Thu hút đầu tư:

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chất lượng trong việc tư vấn, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục cho nhà đầu tư. Tăng cường hơn nữa công tác thẩm tra cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng như kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư. Các dự án đầu tư quy mô lớn, sử dụng nhiều đất, có khả năng gây ô nhiễm môi trường, sử dụng nhiều tài nguyên khoáng sản không có chế biến sâu, dự án tiêu tốn năng lượng... sẽ được xem xét kỹ và chặt chẽ hơn, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Những dự án chậm triển khai sẽ được phân loại để có biện pháp phù hợp, trong đó có việc xem xét thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tăng cường quản lý sử dụng mặt bằng sản xuất của doanh nghiệp đúng mục đích và hiệu quả. Các dự án gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý theo quy định pháp luật.

- Hạn chế tối đa các dự án đầu tư ngoài khu, cụm công nghiệp để thuận tiện cho công tác quản lý và xử lý môi trường.

- Tiến hành rà soát lại các dự án đã được cấp phép để có biện pháp xử lý, thu hồi các dự án không triển khai hoặc triển khai không đúng với giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư. Chuẩn bị tốt danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trọng điểm, phân công và giao nhiệm vụ cho các sở, ngành theo dõi các dự án triển khai vận động đầu tư để đạt hiệu quả cao và thiết thực. Tổ chức tốt các hoạt động tư vấn, hỗ trợ nhà đầu tư. Tiếp tục nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Thái Bình để thu hút các dự án đầu tư. Thực hiện tốt hoạt động Trung tâm hành chính công; tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong suốt thời gian đầu tư tại Thái Bình.

e. Khoa học công nghệ:

- Phát triển các trung tâm, các doanh nghiệp chuyên giao công nghệ trên địa bàn tỉnh nhằm đưa các công nghệ sản xuất tiên tiến, phù hợp, tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm trên thị trường. Coi trọng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng gắn sản xuất với bảo vệ môi trường.

- Hỗ trợ đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển tài sản trí tuệ. Hàng năm dành 30 - 40% kinh phí phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh để hỗ trợ đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa. Tập trung hỗ trợ đầu tư khoa học kỹ thuật, tạo vùng nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, giải quyết đầu ra cho nông dân.

g. Thị trường:

Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu.

h. Phát triển nguồn nhân lực:

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước, quản lý sản xuất kinh doanh cho đội ngũ cán bộ quản lý. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các cơ sở trong tỉnh đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề, có chế độ ưu đãi nhân tài và cán bộ đầu đàn cho các ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh.

- Hàng năm dành một phần nguồn kinh phí từ ngân sách và huy động từ các nguồn khác để hỗ trợ cho đào tạo nghề nhằm đáp ứng nhu cầu lao động tại các khu, cụm công nghiệp.

- Tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, quản lý người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh. Làm tốt công tác thông tin báo cáo tình hình sử dụng lao động các doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp để có cơ sở hoạch định chính sách việc làm với người lao động.

i. Bảo vệ môi trường:

- Triển khai xây dựng khu, cụm công nghiệp phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường; việc thu hút đầu tư cần ưu tiên những ngành công nghiệp sạch, ít ô nhiễm môi trường; nâng cao chất lượng thẩm định các dự án, trong đó yếu tố môi trường cần được xem xét đánh giá kỹ về lượng khí thải, nước thải, rác thải và chất thải nguy hại, từ đó có phương án quyết định đầu tư ngay từ đầu; xây dựng các quy định cụ thể về giám sát môi trường của các dự án.

- Ưu tiên và có lộ trình đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải, khu tập kết, xử lý chất thải rắn tại các khu, cụm công nghiệp để bảo đảm công tác bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về môi trường. Thường xuyên tiến hành việc đánh giá hiện trạng môi trường đối với các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất hiện có; đồng thời có biện pháp xử lý nghiêm, kịp thời đối với các doanh nghiệp vi phạm về môi trường.

k. Công tác quản lý khu, cụm công nghiệp:

- Ban Quản lý các khu công nghiệp tiếp tục tăng cường công tác quản lý các khu công nghiệp, chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong việc theo dõi nắm bắt giải quyết những khó khăn vướng mắc của nhà đầu tư cũng như việc giám sát, kiểm tra xử lý các vi phạm. Các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và địa phương cấp xã, thường xuyên phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý cụm công nghiệp, phân công nhiệm vụ cho các phòng ban chuyên môn, trong đó có Trung tâm phát triển cụm công nghiệp để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các sở, ngành liên quan công bố công khai Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; thực hiện quản lý nhà nước về công tác phát triển khu, cụm công nghiệp; theo dõi, đôn đốc, triển khai thực hiện nội dung của quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cân đối và huy động các nguồn lực, xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn để thực hiện điều chỉnh quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thực hiện xúc tiến đầu tư, tham mưu xây dựng các chính sách thu hút dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đầu tư phát triển sản xuất trong các khu, cụm công nghiệp.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp quản lý các khu công nghiệp trong mạng lưới các khu công nghiệp được Chính phủ chấp thuận và thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, quản lý và chỉ đạo tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 18/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Lao động Thương binh và Xã hội; Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh
- Lưu VT, CTXDGT, TH. *MM*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Diên
Nguyễn Hồng Diên



**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 3946/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh)

Đơn vị

STT	Tên khu, cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích quy hoạch	KH sử dụng đất	
				Hiện trạng năm 2016	Đến năm 2020
	KHU CÔNG NGHIỆP		2,503.4	627.6	2,353
I	KCN ĐÃ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ CHẤP THUẬN		1,153.4	627.6	1,153
1	Phúc Khánh	Thành phố Thái Bình	120.0	120.0	120
2	Nguyễn Đức Cảnh	Thành phố Thái Bình	68.4	68.4	68
3	Tiền Hải	Huyện Tiền Hải	466.0	137.2	466
4	Sông Trà	Huyện Vũ Thư, TP. Thái Bình	200.0	109.0	200
5	Cầu Ngին	Huyện Quỳnh Phụ	214.0	108.0	214
6	Gia Lễ	Huyện Đông Hưng	85.0	85.0	85
II	KCN CHỜ CHÍNH PHỦ CHẤP THUẬN		1,350.0	-	1,200
1	Thụy Trường	Xã Thụy Trường - Thái Thụy	300.0	-	250
2	Thái Thượng	Xã Thái Thượng - Thái Thụy	250.0	-	200
3	Hoàng Long	Xã Đông Hoàng, Đông Long - Tiền Hải	300.0	-	250
4	Xuân Hải	Xã Thụy Xuân, Thụy Hải - Thái Thụy	200.0	-	200
5	Sông Trà II	Huyện Vũ Thư, TP. Thái Bình	300.0	-	300
B	CỤM CÔNG NGHIỆP		2,578.6	422.4	1,016
I	Thành phố (2)		87.1	87.1	87
1	Phong Phú	Phường Tiên Phong - TP. Thái Bình	77.8	77.8	77
2	Trần Lãm	Phường Trần Lãm - TP. Thái Bình	9.3	9.3	9
II	Vũ Thư (7)		237.3	84.4	186
3	Tân Minh	Xã Tự Tân, Minh Khai - Vũ Thư	30.0	22.0	30
4	Thị Trấn Vũ Thư	TT Vũ Thư, xã Minh Quang - Vũ Thư	36.0	30.6	36
5	Tam Quang	Xã Tam Quang, Dũng Nghĩa - Vũ Thư	39.5	7.4	39
6	Vũ Hội	Xã Vũ Hội - Vũ Thư	32.5	6.3	15
7	Nguyên Xá	Xã Nguyên Xá - Vũ Thư	15.0	2.6	15
8	Phúc Thành	Xã Phúc Thành - Vũ Thư	14.3	0.6	0
9	Minh Lăng	Xã Minh Lăng, Minh Khai - Vũ Thư	70.0	15.0	50
III	Kiến Xương (7)		375.7	31.9	86
10	Thanh Tân	Xã Thanh Tân - Kiến Xương	25.0	5.5	5
11	Vũ Ninh	Xã Vũ Ninh - Kiến Xương	40.7	10.8	10
12	Cồn Nhất	Xã Hồng Tiến - Kiến Xương	70.0	-	15
13	Vũ Quý	Xã Vũ Quý - Kiến Xương	70.0	9.9	35
14	Hồng Thái	Xã Hồng Thái - Kiến Xương	50.0	-	
15	Minh Tân	Xã Minh Tân - Kiến Xương	50.0	5.6	5
16	Trung Nê	Xã Quang Trung, TT. Thanh Nê - Kiến Xương	70.0	-	15
IV	Tiền Hải (5)		298.3	22.3	74
17	Trà Lý	Xã Tây Lương - Tiền Hải	38.3	14.1	14
18	Cửa Lân	Xã Nam Thịnh - Tiền Hải	50.0	4.3	10
19	Nam Hà	Xã Nam Hà - Tiền Hải	70.0	0.3	20
20	Tây An	Xã Tây An - Tiền Hải	70.0	3.6	15
21	An Ninh	Xã An Ninh - Tiền Hải	70.0	-	15
V	Thái Thụy (7)		366.6	30.4	160
26	Thụy Tân	Xã Thụy Tân - Thái Thụy	50.0	9.8	15
22	Thụy Sơn	Xã Thụy Sơn - Thái Thụy	20.0	2.2	10
23	Thái Dương	Xã Thái Dương - Thái Thụy	70.0	2.8	15

STT	Tên khu, cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích quy hoạch	KH sử dụng đất	
				Hiện trạng năm 2016	Đến năm 2020
24	Mỹ Xuyên	Xã Thái Xuyên - Thái Thụy	25.0	15.6	25
25	Thái Thọ	Xã Thái Thọ - Thái Thụy	61.6	-	10
27	Trà Linh	Xã Thụy Liên - Thái Thụy	70.0	-	70
28	Thụy Văn	Xã Thụy Văn - Thái Thụy	70.0	-	15
VI	Đông Hưng (9)		515.7	85.9	152
29	Đông La	Xã Đông La - Đông Hưng	95.0	30.0	35
30	Xuân Động	Xã Đông Xuân, Đông Động-Đông Hưng	65.0	27.0	30
31	Nguyên Xá	Xã Nguyên Xá - Đông Hưng	40.0	5.2	15
32	Mê Linh	Xã Mê Linh - Đông Hưng	15.0	1.7	5
33	Đông Các	Xã Đông Các - Đông Hưng	20.7	4.7	7
34	Đông Phong	Xã Đông Phong, Đông Tân - Đông Hưng	70.0	7.5	15
35	Phong Châu	Xã Phong Châu - Đông Hưng	70.0	-	15
36	Hồng Việt	Xã Hồng Việt - Đông Hưng	70.0	-	
37	Đô Lương	Xã Đô Lương - Đông Hưng, xã Quỳnh Trang, Quỳnh Bảo - Quỳnh Phụ	70.0	9.9	30
VII	Hưng Hà (8)		425.5	45.8	172
39	Đông Tu	TT Hưng Hà, Phúc Khánh - Hưng Hà	50.0	20.3	25
42	Tiền Phong	Thị trấn Hưng Nhân - Hưng Hà	40.0	-	5
43	Điệp Nông	Xã Điệp Nông - Hưng Hà	15.0	1.8	1
38	Thái Phương	Xã Thái Phương - Hưng Hà	40.5	10.2	40
40	Hưng Nhân	Thị trấn Hưng Nhân - Hưng Hà	70.0	13.5	25
41	Thống Nhất	Xã Thống Nhất- Hưng Hà	70.0	-	25
44	Đức Hiệp	Xã Liên Hiệp, Tiến Đức - Hưng Hà	70.0	-	15
45	Văn Lang	Xã Văn Lang - Hưng Hà	70.0	-	15
VIII	Quỳnh Phụ (5)		272.4	34.7	97
46	Quỳnh Côi	TT. Quỳnh Côi - Quỳnh Phụ	32.4	16.0	16
47	Đập Neo	Xã Đồng Tiến - Quỳnh Phụ	30.0	4.5	6
48	Quý Ninh	Xã An Quý, An Ninh - Quỳnh Phụ	70.0	2.0	15
49	Quỳnh Giao	Xã Quỳnh Giao - Quỳnh Phụ	70.0	12.2	20
50	Đông Hải	Xã Đông Hải - huyện Quỳnh Phụ	70.0	-	40
	Tổng diện tích		5,082.0	1,050.0	3,369